

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2018/DS-ST
Ngày: 19-11-2018
V/v tranh chấp hợp đồng dân
sự (tiền hui)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Đồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vương Thị Vui;

2. Bà Nguyễn Thị Thông.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Nguyễn Minh Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Thịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 19/11/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 256/2018/TLST-DS ngày 28/6/2018 về việc tranh chấp hợp đồng dân sự (tiền hui), theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2018/QĐXXST-DS ngày 30/10/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Tuyết P, sinh năm 1971; HKTT: K6, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Như L (tên gọi khác là Đ), sinh năm 1979; HKTT: K1, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương.

3. *Người làm chứng:*

3.1. Bà Trần Thị X, sinh năm 1966; HKTT: K6, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương.

3.2. Bà Nguyễn Thị Hồng H (B), sinh năm 1985; HKTT: K1, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn bà P, bị đơn ông L có mặt tại phiên tòa; người làm chứng bà H, bà X có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 27/6/2018, đơn khởi kiện bổ sung ngày 18/10/2018, quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị Tuyết P trình bày:***

Bà P làm chủ hội, ông L hội viên do bà P làm chủ. Ông L tham gia chơi 01 phần hội trong dây hội tháng 3.000.000 đồng, hội khai ngày 30/3/2017, hội lúc đầu gồm 14 phần hội, sau này có thêm 04 người tham gia nên dây hội có tổng là 18 phần. Ngày 30/4/2017, tại kỳ khai hội thứ 2 ông L bỏ hội hót và hót được số tiền là 30.700.000 đồng (tương đương với 14 phần hội). Do các hội viên chưa góp đủ hội cho bà P nên bà P chưa thể giao hội cho ông L vào ngày 30/4/2017. Lúc này, ông L xin ứng trước tiền hội và được bà P đồng ý, bà P đã giao cho ông L hai lần với tổng số tiền là 26.580.000 đồng. Việc giao số tiền hội trên đều được thực hiện tại nhà bà P và không có văn bản gì thể hiện. Sau đó mấy ngày (bà P không nhớ rõ cụ thể), có hai người là bà Trần Thị X và bà Nguyễn Thị Hồng H cùng xin tham gia vào chơi dây hội trên nên nâng tổng số phần trong dây hội là 16 phần. Đến ngày 10/5/2017, bà P thực hiện giao số tiền còn lại cho ông L là 4.120.000 đồng. Tổng số tiền hội bà P đã giao cho ông L là 30.700.000 đồng, việc giao số tiền hội trên bà P đã trừ tiền hoa hồng (tiền cò) cho chủ hội là 1.500.000 đồng. Sau khi giao hội 30.700.000 đồng cho ông L, bà P đã yêu cầu ông L đến nhà để ký nhận hội vào sổ hội cái của bà P. Ngày 10/5/2017, tại nhà bà P ông L đã ký nhận đủ số tiền hội là 30.700.000 đồng, bản chính giấy hội bà P hiện đang là người cất giữ. Khi viết giấy giao hội, do viết bị mờ nên bà P đã ghi đậm chữ số “30” trong số tiền 30.700.000 đồng, việc làm trên là để thể hiện rõ số tiền 30.700.000 đồng mà bà P đã giao cho ông L chứ không phải bà P tự ý tẩy xóa như lời ông L trình bày.

Quá trình chơi hội, tính đến hết tháng 4/2018, ông L mới góp hội chết được cho bà P 14 kỳ và còn 02 kỳ hội chết là vào tháng 5/2018 và tháng 6/2018 với tổng số tiền 6.000.000 đồng thì ông L chưa đóng cho bà P. Dây hội trên đã kết thúc vào ngày 30/8/2018 (có 04 phần hội tham gia sau). Riêng đối với số tiền hội ông L đã hót vào ngày 30/4/2017 là chỉ 16 phần hội nên số kỳ hội chết ông L phải góp cho bà P là đến hết ngày 30/6/2018.

Tại đơn khởi kiện ngày 27/6/2018, bà P yêu cầu ông L thanh toán số tiền 6.000.000 đồng là tiền hội chết của tháng 5/2018 và tháng 6/2018 chưa đóng. Tuy nhiên, do tại thời điểm khởi kiện (ngày 27/6/2018), nghĩa vụ đóng tiền hội chết của tháng 6/2018 là chưa phát sinh (ngày phát sinh là ngày 30/6/2018) nên ngày 18/10/2018, bà P đã có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu ông L thanh toán số tiền 3.000.000 đồng của tiền hội chết phải đóng của tháng 6/2018. Tổng số tiền, bà P yêu cầu ông L phải thanh toán là 6.000.000 đồng. Do bà P nộp đơn khởi kiện với yêu cầu ban đầu là trả tổng là 9.000.000 đồng nên tại phiên tòa bà P rút lại một phần yêu cầu khởi kiện là không tranh chấp đối với số tiền 3.000.000 đồng.

Chứng cứ nguyên đơn bà P cung cấp: Đơn khởi kiện ngày 27/6/2018 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 18/10/2018; bản sao giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu; bản photo giấy giao hui ngày 10/5/2018; bản photo sổ hui; 01 đơn yêu cầu Tòa án hỗ trợ gửi tài liệu, chứng cứ; bản tự khai ngày 11/9/2018.

**** Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Như L trình bày:***

Giữa bà P và ông L có mối quan hệ quen biết, bà P có dựng hui và làm chủ hui, ông L tham gia chơi hui do bà P làm chủ. Tại đây hui tháng 3.000.000 đồng, hui khui ngày 30/3/2017, gồm 14 phần hui, ông L tham gia 01 phần. Việc chơi hui, chủ hui bà P có giao danh sách hui viên cho hui viên ông L giữ.

Ngày 30/4/2017, tại kỳ khui hui thứ hai, ông L bỏ hui với số tiền là 900.000 đồng và hốt hui được số tiền là 28.200.000 đồng, sau khi trừ tiền cò (tiền hoa hồng) cho chủ hui bà P với số tiền là 1.500.000 đồng thì ông L nhận được số tiền 26.700.000 đồng. Do chủ hui không gom được tiền hui từ các hui viên cùng một lúc nên ông L nhận tiền hui chia làm 03 lần, cụ thể: Lần thứ nhất ông L nhận số tiền 10.000.000 đồng (không nhớ rõ ngày nhận tiền), lần thứ hai nhận số tiền 6.000.000 đồng (không nhớ rõ ngày nhận tiền), lần thứ ba ngày 10/5/2017 nhận số tiền 7.700.000 đồng. Qua ba lần nhận tiền hui, tổng số tiền ông L nhận từ bà P là 26.700.000 đồng. Ngày 10/5/2017, khi bà P giao số tiền còn lại là 7.700.000 đồng thì ông L đã thực hiện đóng hui chét ở kỳ khui hui tiếp theo cho bà P với số tiền là 3.000.000 đồng, đồng thời bà P có lập giấy giao hui và yêu cầu ông L ký tên. Nội dung giấy giao hui ngày 10/5/2017 thể hiện “Đu: đã hốt hui 3.000.000 đồng tháng 1 lần vào ngày 30/4/2017 gồm 16 phần với số tiền 30.700.000 đồng. Nhận tiền vào ngày 10/5/2017”. Ông L xác định có ký tên vào giấy giao hui ngày 10/5/2017 nêu trên, tuy nhiên phần nội dung “tháng 1 lần”, “gồm 16 phần với”, “nhận tiền vào” trên giấy giao hui là do bà P ghi thêm. Tại thời điểm ngày 10/5/2017, khi ông L ký nhận hui với số tiền 26.700.000 đồng thì chưa có những nội dung đã nêu ở trên. Mặt khác, số tiền 26.700.000 đồng trên giấy giao hui đã được bà P tự ý sửa lại thành 30.700.000 đồng, khi giao hui thì nội dung giấy hui bà P chỉ ghi là 26.700.000 đồng. Hiện tại bản gốc giấy giao hui ngày 10/5/2017 đang do bà P cất giữ.

Tính đến ngày 30/4/2018, ông L đã đóng hui chét cho bà P đủ 14 phần và hui đã mãn. Hiện nay hui đã kết thúc và ông L xác định không còn nợ bất kỳ số tiền nào tại đây hui tháng 3.000.000 đồng do bà P làm chủ như nói ở trên. Vì vậy, ông L không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà P.

Chứng cứ bị đơn ông L cung cấp: 01 bản tự khai ngày 11/9/2018, 01 bản photo sổ hui.

**** Tại biên bản làm việc ngày 19/10/2018, người làm chứng bà Trần Thị X trình bày:***

Bà X và bà P có mối quan hệ quen biết, bà P dựng hui và làm chủ hui, bà Xuân tham gia chơi hui và là hui viên của bà P.

Bà X tham gia chơi một dây hụi tháng 3.000.000 đồng, hụi khai ngày 30/3/2017 do bà P làm chủ, hụi mãn vào tháng 8/2018. Ban đầu dây hụi trên có 14 phần, đến khoảng tháng 4/2017 hoặc tháng 5/2017, bà X và bà B xin tham gia và được bà P đồng ý (hụi đã khai được 1 đến 2 kỳ) nên nâng số phần hụi trong dây hụi lên 16 phần, sau này có thêm người tham gia nên đến khi mãn hụi có tất cả 18 phần. Do tham gia chơi hụi sau nên theo ý kiến của chủ hụi, bà X và bà B đã góp tiền hụi cho bà P tại các kỳ khai hụi trước đó để coi như là hụi viên tham gia chơi từ đầu, số tiền này cụ thể là bao nhiêu thì do thời gian đã lâu nên bà Xuân không nhớ rõ.

Về cách thức chơi hụi: Khi hụi viên góp tiền hụi cho chủ hụi thì chủ hụi và hụi viên không lập văn bản, giấy tờ gì để thể hiện. Khi hụi viên hốt hụi thì chủ hụi sẽ viết giấy giao hụi và yêu cầu hụi viên ký tên và giao giấy giao hụi lại cho chủ hụi giữ.

**** Tại biên bản làm việc ngày 19/10/2018, người làm chứng bà Nguyễn Thị Hồng H trình bày:***

Bà H (tên gọi khác là B) và bà P có quan hệ quen biết, bà H có tham gia chơi hụi tháng 3.000.000 đồng, hụi khai ngày 30/3/2017 và có 18 phần, bà H tham gia chơi 01 phần vào tháng 4/2017 (tham gia chơi sau khi đã khai hụi kỳ đầu), hụi mãn vào tháng 8/2018.

Quá trình chơi hụi, bà H đã góp tiền hụi cho chủ hụi ở kỳ khi hụi đầu tiên (ngày 30/3/2017) để coi như là thành viên chơi hụi ngay từ đầu. Việc ai là người hốt hụi tại 02 kỳ khai đầu thì qua sổ hụi bà P cung cấp, bà H xác định được là ông TA và ông L. Việc bà P giao tiền hụi bà H góp cho ông TA, ông L như thế nào thì bà H không rõ.

Về cách thức chơi hụi: Khi hụi viên góp tiền hụi cho chủ hụi thì chủ hụi và hụi viên không lập văn bản, giấy tờ gì để thể hiện. Khi hụi viên hốt hụi thì chủ hụi sẽ viết giấy giao hụi và yêu cầu hụi viên ký tên và giao giấy giao hụi lại cho chủ hụi giữ.

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng (ông Thịnh) có ý kiến:***

Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ, hòa giải, xét xử đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà P, bị đơn ông L có mặt; người làm chứng bà H, bà X có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người làm chứng theo quy định của pháp luật. Quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản (tiền hụi). Về thủ tục tố tụng, không kiến nghị, khắc phục. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn bà P, bị đơn ông L có mặt. Người làm chứng bà H và bà X có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người làm chứng theo quy định tại Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Tại đơn khởi kiện ngày 27/6/2018, bà P yêu cầu ông L thanh toán số tiềnhui chết chưa đóng của tháng 5/2018 và tháng 6/2018 là 6.000.000 đồng. Ngày 18/10/2018, bà P đã có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu ông L thanh toán số tiềnhui chết chưa đóng của tháng 6/2018 là 3.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bà P rút một phần yêu cầu khởi kiện, không tranh chấp với ông L số tiềnhui 3.000.000 đồng (tháng 6/2018) theo đơn khởi kiện ngày 27/6/2018. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là ý kiến tự nguyện của bà P nên được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại các Điều 5, 71, 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Nguyên đơn bà P khởi kiện bị đơn ông L yêu cầu trả tổng số tiềnhui chết còn thiếu là 6.000.000 đồng. Ông L có nơi cư trú tại k1, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng dân sự (tiềnhui).

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà P khởi kiện yêu cầu ông L phải trả số tiềnhui chết chưa đóng là 6.000.000 đồng (tháng 5, 6/2018) của dâyhui 3.000.000 đồng ngày mở hui 30/3/2017, hui mãn ngày 30/8/2018. Xem xét toàn bộ tài liệu chứng cứ các bên cung cấp, qua tranh tụng công khai tại phiên tòa thấy rằng:

[4.1] Bà P dựng hui và làm chủ hui, ông L là hui viên. Ông L tham gia chơi 01 phần hui trong dây hui tháng 3.000.000 đồng, mở hui ngày 30/3/2017, ông L hốt hui tại kỳ khai hui thứ hai (30/4/2017), kêu hui 910.000 đồng và đã nhận đủ tiền hốt hui. Đây là tình tiết được các bên đương sự thừa nhận nên không cần chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4.2] Bà P xác định, ban đầu có 14 phần hui, sau đó có bà H và bà X tham gia nâng tổng số 16 phần hui, tiếp đó có 02 người tham gia tiếp nên nâng tổng số phần hui là 18 phần hui. Tuy nhiên, bà P chỉ tính đối với ông L là 16 phần hui, 02 phần hui tham gia sau cùng không tính với ông L. Như vậy, nếu tính số phần hui là 16 thì ngày mãn hui ngày 30/6/2018 là phù hợp. Nếu tính theo ý kiến của ông L, số phần hui là 14 thì thời gian mãn hui là ngày 30/4/2018 mới phù hợp. Như vậy, bà P xác định dây hui có 16 phần hui còn ông L xác định dây hui có 14 phần hui.

[4.3] Quá trình giải quyết vụ án, bà P cung cấp chứng cứ là “giấy giao hui” ngày 10/5/2017. Xem xét chứng cứ bà P cung cấp thấy rằng, nội dung trên

văn bản đã có sự tẩy xóa ở số tiền 30.700.000 đồng và số tiền không ghi bằng chữ nhưng có thể hiện nội dung bà P giao cho ông L 16 phần hui với số tiền là 30.700.000 đồng. Nội dung có 16 phần hui theo “giấy giao hui” là phù hợp với lời trình bày của hai người làm chứng bà X và bà H. Ngoài ra, đối chiếu với số hui gốc bà P đang quản lý, cách tính số tiền hót hui cũng như qua tranh tụng công khai tại phiên tòa thì có căn cứ xác định đây hui các bên có tranh chấp có tổng cộng là 16 phần hui và số tiền ông L hót hui là 30.700.000 đồng.

[4.4] Ông L xác định đây hui chỉ có 14 phần hui tương ứng với số tiền hót hui là 26.700.000 đồng nhưng theo cách tính số tiền bỏ hui (kêu 910.000 đồng, hót được 2.090.000 đồng/phần) thì số tiền hót hui được là 28.080.000 đồng, trừ tiền hoa hồng chủ hui 1.500.000 đồng thì số tiền thực nhận là 26.580.000 đồng, không trùng khớp với số tiền 26.700.000 đồng như ông L thừa nhận.

[5] Như vậy, yêu cầu khởi kiện của bà P là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận theo Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và theo hướng dẫn tại Nghị định 144/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về hui, họ, biêu, phường.

[6] Về án phí: Bị đơn ông L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 5, 26, 35, 39, 71, 147, 229, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng dân sự (tiền hui) của bà Lê Thị Tuyết P đối với ông Nguyễn Như L (tên gọi khác là Đ).

Buộc ông Nguyễn Như L (tên gọi khác là Đ) có trách nhiệm thanh toán cho bà Lê Thị Tuyết P đối với số tiền 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng).

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông L không thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng ông L còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

2. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng dân sự (tiền hui) của bà Lê Thị Tuyết P đối với ông Nguyễn Như L (tên gọi khác là Đ) đối với số tiền 3.000.000 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Ông Nguyễn Như L (tên gọi khác là Đ) phải chịu số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

3.2. Hoàn trả cho bà Lê Thị Tuyết P số tiền 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu số AA/2016/0012045 ngày 27/6/2018 và biên lai thu số AA/2016/0012568 ngày 18/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 19/11/2018).

Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Minh Đồng